TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 16 /2026/HNGĐ- ST
Ngày: 11- 02- 2026
V/v: *Tranh chấp ly hôn, con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Ông Nguyễn Văn Chiến

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 160/2025/TLST- HNGĐ ngày 28/10/2025 về " *Tranh chấp ly hôn, con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST/HNGĐ ngày 29/01/2026 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh ngày 12/02/1993; số CCCD: 024193018504; nơi cư trú: Ấp Đ, tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

***-Bị đơn*:** Anh Diêm Đăng C, sinh ngày 14/12/1992; số CCCD: 024092019724; nơi cư trú: Ấp Đ, tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Dương Thị L trình bày:

Chị và anh Diêm Đăng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng một thời gian sau vợ

chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng không thể hòa giải. Từ tháng 2/2025 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm nhau, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Diêm Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2015 và Diêm Đăng P, sinh ngày 30/3/2017.

Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị nuôi cháu P, giao cho anh C nuôi cháu T; về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Diêm Đăng C là bị đơn: Tòa án giao các văn bản tố tụng, anh C không chấp hành, anh C từ bỏ quyền của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L được ly hôn anh Diêm Đăng C.

- Về con chung: Giao cho chị Dương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Diêm Đăng P, sinh ngày 30/3/2017; giao cho anh Diêm Đăng C trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Diêm Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2015; về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị L và anh C có quyền thăm nom con chung.

- Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Chị L đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Chị Dương Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân

khu vực 2- Bắc Ninh giải quyết tranh chấp ly hôn, con chung. Anh Diêm Đăng C là bị đơn nơi cư trú tại: Ấp Đ, tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng quy định.

[1.2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Chị Dương Thị L là nguyên đơn và anh Diêm Đăng C là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 anh C vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị L, sinh năm 1993 và anh Diêm Đăng C, sinh năm 1992 kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh) là phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, một thời gian sau vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng không thể hòa giải. Từ tháng 2/2025 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm nhau, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế.

Tòa án giao các văn bản tố tụng, giấy báo làm việc, anh C đều vắng mặt; Tòa án giao Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh C có mặt, quá trình làm việc anh C tự ý bỏ về. Tòa án giao Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh C vắng mặt, chứng tỏ anh C không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp: Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn địa phương không nắm được, chỉ biết gần đây chị L về nhà nhà bố mẹ đẻ sinh sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị L, anh C mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Diêm Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2015 và Diêm Đăng P, sinh ngày 30/3/2017. Xét yêu cầu của chị L về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng của con chung tên Diêm

Thị Huyền T, xin ở với bố, nguyện vọng của con chung Diêm Đăng P xin ở với mẹ. Căn cứ các Điều 81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng đất nông nghiệp, công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị L được ly hôn anh Diêm Đăng C.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Dương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Diêm Đăng P, sinh ngày 30/3/2017; giao cho anh Diêm Đăng C trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Diêm Thị Huyền T, sinh ngày 03/9/2015. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Dương Thị L và anh Diêm Đăng C có quyền thăm nom con chung, vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp* : Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002380 ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Chị L đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp phường Tự Lạn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Hương